

BẢNG TIN KẾT QUẢ QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

Nhiệm vụ: Giám sát chất lượng nước trong hệ thống công trình thủy lợi Bắc Nam Hà, phục vụ lấy nước sản xuất nông nghiệp.

Đơn vị thực hiện: Phòng Thí nghiệm và Tư vấn quản lý Chất lượng Nước, Môi trường – Viện Quy hoạch Thủy lợi.

Thời gian: Đợt 1 (tháng 1/2020)

Căn cứ theo các quy chuẩn: QCVN 08:2015 nhận định về chất lượng nước tại các vị trí quan trắc theo các mức như sau:

Các vị trí đạt giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh: **Không có vị trí.**

Các vị trí đạt giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp: **Không có vị trí nào.**

Các vị trí đạt giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự: **Cống Như Trác, Cổng Hữu Bị, Cổng Cốc Thành, Cổng Nhâm Tràng, Cổng Cổ Đam, Cổng Vĩnh Trị, Đầu kênh T3, Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21), Cầu đường 10 với sông Sắt, Đập An Bài (sông Châu Giang), TB Triệu Xá (sông Châu Giang), Đập Vua (CG12), Cầu Chủ (sông Châu Giang).**

Các vị trí đạt giới hạn B2 (không đạt B1): Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp: **Các vị trí đạt các giới hạn trên.**

Các vị trí không đạt các giới hạn trên: Không dùng được cho các mục đích sử dụng trên: **Cống sông Chanh, Cổng Kinh Thanh, Đập La Chợ, Đập Biên Hòa, Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy), Đầu kênh C19, Đầu kênh T6.**

Chi tiết thể hiện trong bảng sau:

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
1	1	Cổng Như Trác	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 81%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 94%. Cổng mở, dòng chảy vừa, đang lấy nước vào hệ thống.	Nước màu vàng đục.	7.5	24.6	6.6	0.2	0.357	0.446	272	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
2	2	Cổng Hữu Bị	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 82%, gió Bắc 20 km/h, mật độ mây 94%. Cổng mở, dòng chảy vừa, đang lấy nước vào hệ thống.	Nước màu vàng đục.	7.56	22.3	6.3	0.2	0.396	0.531	290	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
3	3	Cổng Cốc Thành	Trời râm mát, t° = 13°C, độ ẩm 85%, gió Bắc 23 km/h, mật độ mây 96%. Cổng mở, đang lấy nước vào, dòng chảy vừa.	Nước màu vàng đục.	7.54	25.8	6.25	0.2	0.606	0.468	270	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
4	4	Công sông Chanh	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 77%, gió TB 22 km/h, mật độ mây 91%. Cổng đóng, mực nước ngoài sông thấp hơn nội đồng. Không có dòng chảy. Chân cổng có rác thải sinh hoạt.	Nước màu xanh lục.	7.48	36.7	4.12	0.6	0.963	0.812	864	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
5	5	Công Nhâm Tràng	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 17 km/h, mật độ mây 89%. Cổng mở, dòng chảy vừa, trạm bơm đang hoạt động. Trên mặt nước có bèo.	Nước màu xanh lục.	7.28	30.2	5.46	0.2	0.723	1.260	294	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
6	6	Công Kinh Thanh	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 89%. Cổng đóng, không có dòng chảy. Thượng lưu cổng dày đặc bèo.	Nước màu vàng đục.	7.42	16.4	4.23	0.3	1.057	1.755	328	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
7	7	Công Cỏ Đam	Trời nhiều mây, t° = 25°C, độ ẩm 66%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 95%. Cổng mở, đang lấy nước vào nội đồng. Hạ lưu công nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.3	31.7	5.4	0.2	0.839	1.328	316	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
8	8	Công Vĩnh Trị	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 89%. Cổng đóng, không có dòng chảy, mực nước nội đồng cao hơn ngoài sông. Hạ lưu công nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.4	26.7	5.62	0.3	0.637	0.563	350	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
9	9	Đầu kênh T3	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 77%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 95%. Nước đứng, không có dòng chảy. Trên mặt nước có nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.54	24.2	5.46	0.3	0.668	1.085	506	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
10	10	Cầu Sắt, sông Sắt (Đường 21)	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 89%. Dòng chảy vừa từ đập An Bài về. Trên mặt nước có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.48	24.4	5.73	0.3	0.575	0.779	300	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
11	11	Cầu đường 10 với sông Sắt	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 89%. Nước đứng, không có dòng chảy. Trên mặt nước có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.62	22.7	5.43	0.2	0.482	0.729	326	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
12	12	Đập An Bài (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 80%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 96%. Đập mở, đang lấy nước từ sông Châu Giang. Trên mặt nước có nhiều bèo trôi.	Nước màu xanh lục.	7.56	20.6	5.81	0.2	0.451	0.554	280	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
QCVN 08:2015 A1					6 – 8.5		6		0.3	2		
QCVN 08:2015 A2					6 – 8.5		5		0.3	5		
QCVN 08:2015 B1					5.5 – 9		4		0.9	10		
QCVN 08:2015 B2					5.5 – 9		2		0.9	15		
												thủy sinh.
13	13	TB Triệu Xá (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 26°C, độ ẩm 65%, gió ĐN 17 km/h, mật độ mây 73%. Cổng mở, đang lấy nước vào. Dòng chảy nhanh.	Nước màu xanh lục.	7.26	37.8	5.58	0.2	0.668	1.170	283	Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
14	14	Đập La Chợ	Trời nhiều mây, t° = 15°C, độ ẩm 79%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 93%. Nước đứng, không có dòng chảy. Trên mặt nước có rác thải.	Nước màu đỏ đục.	7.86	42.5	4.24	0.4	0.940	1.305	584	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
15	15	Đập Biên Hòa	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 89%. Cổng đóng. Hạ lưu cổng nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.27	27.3	4.58	0.3	1.399	1.620	429	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường									Khuyến cáo
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)	Độ dẫn (mS/cm)	
<i>QCVN 08:2015 A1</i>					6 – 8.5		6		0.3	2		
<i>QCVN 08:2015 A2</i>					6 – 8.5		5		0.3	5		
<i>QCVN 08:2015 B1</i>					5.5 – 9		4		0.9	10		
<i>QCVN 08:2015 B2</i>					5.5 – 9		2		0.9	15		
												kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
16	16	Đập Vùa (CG12)	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 82%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 94%. Công đóng, không có dòng chảy. Hai bờ kênh có rác thải sinh hoạt.	Nước màu xanh lục.	7.14	21.3	4.82	0.2	0.474	0.518	426	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
17	17	Cầu Chủ (sông Châu Giang)	Trời nhiều mây, t° = 14°C, độ ẩm 80%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 96%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ sông nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.58	16.7	5.62	0.2	0.482	0.556	270	<p>Đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.</p> <p>Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.</p>
18	18	Cầu Yên Trung (kênh Kinh Thủy)	Trời nhiều mây, t° = 24°C, độ ẩm 72%, gió ĐN 18 km/h, mật độ mây 99%. Nước đứng, không có dòng chảy. Trên mặt nước có bèo.	Nước màu vàng lục.	7.24	34.6	4.26	0.5	1.974	1.103	564	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi.

TT	Ký hiệu mẫu	Vị trí quan trắc	Kết quả quan trắc chất lượng nước hiện trường								Khuyến cáo	
			Tình trạng công/cảnh quan môi trường	Màu, mùi	pH	Độ đục (NTU)	DO (mg/l)	TDS (g/l)	Amoni_ N (mg/l)	Nitrat_ N (mg/l)		Độ dẫn (mS/cm)
					6 – 8.5		6		0.3	2		
					6 – 8.5		5		0.3	5		
					5.5 – 9		4		0.9	10		
					5.5 – 9		2		0.9	15		
												Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
19	19	Đầu kênh C19	Trời nhiều mây, t° = 16°C, độ ẩm 76%, gió Bắc 18 km/h, mật độ mây 95%. Nước đứng, không có dòng chảy. Hai bên bờ kênh nhiều bèo.	Nước màu xanh lục.	7.86	24.8	4.28	1.7	2.471	2.385	1870	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.
20	20	Đầu kênh T6	Trời nhiều mây, t° = 17°C, độ ẩm 75%, gió Bắc 19 km/h, mật độ mây 89%. Nước đứng. Hai bên bờ sông nhiều rác thải sinh hoạt. Trang trại lợn ngay chân cầu xả thải trực tiếp xuống kênh.	Nước màu vàng lục.	7.27	29.3	0.24	0.6	2.222	1.890	782	Không đủ điều kiện dùng cho tưới, tiêu thủy lợi. Không đủ điều kiện bảo tồn động, thực vật thủy sinh.

Ghi chú:

QCVN 08:2015 A1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A1: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (sau khi áp dụng xử lý thông thường), bảo tồn động thực vật thủy sinh và các mục đích khác như loại A2, B1, B2.

QCVN 08:2015 A2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt – giới hạn A2: Dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt nhưng phải áp dụng công nghệ xử lý phù hợp hoặc các các mục đích sử dụng như B1 và B2.

QCVN 08:2015 B1: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B1: Dùng cho mục đích tưới tiêu thủy lợi hoặc các mục đích sử dụng khác có yêu cầu chất lượng tương tự hoặc các mục đích sử dụng như B2.

QCVN 08:2015 B2: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc Gia về chất lượng nước mặt – giới hạn B2: Giao thông thủy và các mục đích khác với yêu cầu nước chất lượng thấp.